TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2023
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lem.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.
- Thư ký phiên toà: ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2023/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Nguyễn Quỳnh N, sinh năm: 1989
Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện G, tỉnh B.
- Bị đơn: Ông Đinh Nhật L, sinh năm: 1989
Địa chỉ: Ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/4/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Phan Nguyễn Quỳnh N trình bày:

Bà và bị đơn là ông Đinh Nhật L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh B vào ngày 09/5/2019. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc chỉ một gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do ông bà không tìm hiểu kỹ nên không cùng quan điểm sống và tự chia tay và sống ly thân với nhau từ ngày 04/3/2020 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà có yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông L không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc làm ăn, bà không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của bà và ông L được nên bà có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà không có khiếu nại.

Tại bản tự khai ngày 04/4/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Đinh Nhật L trình bày:

Ông đồng ý với lời trình bày của vợ ông là bà N về thời gian kết hôn, đời sống hôn nhân của vợ chồng theo đơn khởi kiện của bà N. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không lo lắng, quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nữa nên ông đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông L không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc làm ăn, ông không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của ông và bà N được nên ông có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông không có khiếu nại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Đối với bà Phan Nguyễn Quỳnh N và ông Đinh Nhật L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N và ông L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Long, huyện G, tỉnh B vào ngày 09/5/2019 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau kết hôn, ông L và bà N cùng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng chỉ một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông bà không tìm hiểu kỹ nên không cùng quan điểm sống và tự chia tay, sống ly thân nhau từ ngày 04/3/2020 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy bà N và ông L đã sống ly thân với nhau từ năm 2020, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, ông bà không còn quan tâm chăm sóc nhau như vợ như chồng. Do bà N không còn tình cảm vợ chồng với ông L nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Theo ông L thì ông và bà N không cùng quan điểm sống và đã ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc với nhau như vợ như chồng, ông L cũng đồng ý ly hôn với bà N.

Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp.

- *Về con chung:* Bà N và ông L không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà N và ông L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về án phí: bà N* phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phan Nguyễn Quỳnh N được ly hôn với ông Đinh Nhật L.

2. *Về con chung:* Bà Phan Nguyễn Quỳnh N và ông Đinh Nhật L không có con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:*

Bà Phan Nguyễn Quỳnh N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0003367 ngày 19/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Bà N đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Võ Thế Trang Đền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh B;
- UBND xã P; H. G
- Lưu hồ sơ vụ án.